

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch sử dụng đất năm 2025**

**huyện Quảng Trạch**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024; Luật số 43/2024/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15 và Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH2015 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT ngày 12/12/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Quyết định số 377/QĐ-TTg ngày 12/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Bình thời kỳ 2021 -2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 407/QĐ-UBND ngày 01/3/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Quảng Trạch;

Căn cứ Quyết định số 498/QĐ-UBND ngày 27/02/2025 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Quảng Trạch;

Căn cứ Nghị quyết số 226/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của HĐND tỉnh Thông qua danh mục công trình, dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất năm 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; Nghị quyết số 250/NQ-HĐND ngày 25/4/2025 của HĐND tỉnh Thông qua bổ sung, điều chỉnh danh mục công trình, dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất năm 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; Nghị quyết số 258/NQ-HĐND ngày 26/6/2025 của HĐND tỉnh Thông qua bổ sung, điều chỉnh danh mục công trình, dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất năm 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;

Xét Tờ trình số 156/TTr-UBND ngày 26/6/2025 của UBND huyện Quảng Trạch về việc đề nghị phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 559/TTr-SNNMT ngày 26 tháng 6 năm 2025.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Quảng Trạch với các nội dung chủ yếu như sau:





1. Diện tích các loại đất trong điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất năm 2025:

Tổng diện tích tự nhiên: 44.661,12 ha, trong đó:

- Đất nông nghiệp: 34.094,69 ha;
- Đất phi nông nghiệp: 8.913,70 ha;
- Đất chưa sử dụng: 1.652,73 ha.

Các loại đất cụ thể trong các nhóm đất có sự điều chỉnh theo Phụ lục 01 kèm theo.

*(Có Phụ lục 01 kèm theo)*

2. Điều chỉnh kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2025:

Tổng diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng: 113,08 ha.

- Đưa vào sử dụng cho mục đích đất nông nghiệp: 0,23 ha;
- Đưa vào sử dụng cho mục đích đất phi nông nghiệp: 112,85 ha;

*(Có Phụ lục 02 kèm theo)*

3. Điều chỉnh kế hoạch thu hồi đất năm 2025:

Tổng diện tích thu hồi: 1.130,27 ha, trong đó:

- Thu hồi đất nông nghiệp: 873,16 ha;
- Thu hồi đất phi nông nghiệp: 257,11 ha.

*(Có Phụ lục 03 kèm theo)*

4. Điều chỉnh kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2025

- Diện tích đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp: 914,20 ha;
- Diện tích chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp: 11,18 ha;
- Diện tích đất chuyển sang đất chăn nuôi tập trung: 0 ha.
- Diện tích chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất phi nông nghiệp: 52,05 ha;

*(Có Phụ lục 04 kèm theo)*

5. Danh mục công trình, dự án thực hiện trong năm 2025.

*(Chi tiết có Phụ lục 05 kèm theo)*

**Điều 2.** Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, Ủy ban nhân dân huyện Quảng Trạch có trách nhiệm:

1. Công bố công khai điều chỉnh Kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai.

2. Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt điều chỉnh

3. Tổ chức kiểm tra thường xuyên việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất theo quy định.

4. Định kỳ hàng năm báo cáo UBND tỉnh về kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 498/QĐ-UBND ngày 27/02/2025 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Quảng Trạch. 

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Xây dựng; Thủ trưởng các sở, ban, ngành có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Quảng Trạch chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

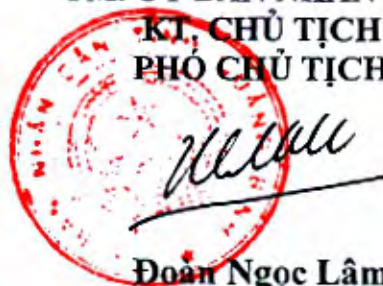
**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CVKT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT, CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Đoàn Ngọc Lâm**



|     |                        |                     |
|-----|------------------------|---------------------|
| STT | Tổng<br>điểm dịch      | Xếp<br>chức<br>danh |
| 01  | $(01 - 02) \times 100$ | 01                  |
| NWP | 34.099,61              | 01                  |

(Kèm theo Quyết định số 2536/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)

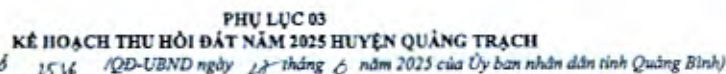
|     |                        |                     |
|-----|------------------------|---------------------|
| STT | Tổng<br>điểm dịch      | Xếp<br>chức<br>danh |
| 01  | $(01 - 02) \times 100$ | 01                  |
| NWP | 34.099,61              | 01                  |



Micrograph showing a cross-section of a plant stem, likely a root or stem, with visible vascular bundles and surrounding tissue. The image is labeled 'h)' in the bottom left corner.

*Deen wij stiek: her*



[illegible]



[illegible]



**PHỤ LỤC 05**  
**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN TRONG ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH NĂM 2025 HUYỆN QUẢNG TRẠCH**  
*(Kèm theo Quyết định số 2536 /QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)*

| STT      | Tên công trình, dự án                                                                                                                                                              | Vị trí thực hiện dự án                                                                                    |                          | Diện tích đất thực hiện dự án (ha) | Trong đó           |                        |                        |                        |                        |
|----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|------------------------------------|--------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
|          |                                                                                                                                                                                    | Xã, phường, thị trấn                                                                                      | Thành phố, thị xã, huyện |                                    | Đất trồng lúa (ha) | Đất rừng phòng hộ (ha) | Đất rừng đặc dụng (ha) | Đất rừng sản xuất (ha) | Các loại đất khác (ha) |
| (1)      | (2)                                                                                                                                                                                | (3)                                                                                                       | (4)                      | (5)=(6)+(7)+(8)+(9)                | (6)                | (7)                    | (8)                    | (9)                    | (10)                   |
| I        | Các công trình, dự án đã được xác định trong năm kế hoạch trước và các công trình, dự án theo quy định tại khoản 4 Điều 67 Luật Đất đai được tiếp tục thực hiện trong năm kế hoạch |                                                                                                           |                          | 1.189,88                           | 167,00             | 17,65                  | -                      | 433,99                 | 571,24                 |
| 1.1      | Các công trình, dự án theo quy định tại khoản 4 Điều 67 Luật Đất đai được tiếp tục thực hiện trong năm kế hoạch                                                                    |                                                                                                           |                          | 664,53                             | 102,21             | 17,64                  | -                      | 213,76                 | 330,92                 |
| 1.1.1    | Đất ở tại nông thôn                                                                                                                                                                |                                                                                                           |                          | 19,57                              | -                  | -                      | -                      | 5,80                   | 13,77                  |
| 1.1.1.1  | Khu đất ở Đông Hưng, xã Quảng Đông, Khu kinh tế Hòn La                                                                                                                             | Xã Quảng Đông                                                                                             | Huyện Quảng Trạch        | 13,74                              | -                  | -                      | -                      | 5,80                   | 7,94                   |
| 1.1.1.2  | Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư Quảng Phú phục vụ giải phóng mặt bằng xây dựng khu kinh tế Hòn La (đã thu hồi đất)                                                 | Xã Quảng Phú                                                                                              | Huyện Quảng Trạch        | 5,83                               | -                  | -                      | -                      | -                      | 5,83                   |
| 1.1.2    | Đất an ninh                                                                                                                                                                        |                                                                                                           |                          | 2,96                               | 1,46               | -                      | -                      | 0,39                   | 1,11                   |
| 1.1.2.1  | Trụ sở công an xã Cảnh Dương                                                                                                                                                       | Xã Cảnh Dương                                                                                             | Huyện Quảng Trạch        | 0,10                               | -                  | -                      | -                      | -                      | 0,10                   |
| 1.1.2.2  | Trụ sở công an xã Quảng Châu                                                                                                                                                       | Xã Quảng Châu                                                                                             | Huyện Quảng Trạch        | 0,40                               | 0,24               | -                      | -                      | -                      | 0,16                   |
| 1.1.2.3  | Trụ sở công an xã Quảng Đông                                                                                                                                                       | Xã Quảng Đông                                                                                             | Huyện Quảng Trạch        | 0,19                               | -                  | -                      | -                      | 0,18                   | 0,01                   |
| 1.1.2.4  | Trụ sở công an xã Quảng Hợp                                                                                                                                                        | Xã Quảng Hợp                                                                                              | Huyện Quảng Trạch        | 0,16                               | -                  | -                      | -                      | -                      | 0,16                   |
| 1.1.2.5  | Trụ sở công an xã Quảng Hưng                                                                                                                                                       | Xã Quảng Hưng                                                                                             | Huyện Quảng Trạch        | 0,29                               | 0,26               | -                      | -                      | -                      | 0,03                   |
| 1.1.2.6  | Trụ sở công an xã Quảng Kim                                                                                                                                                        | Xã Quảng Kim                                                                                              | Huyện Quảng Trạch        | 0,19                               | 0,16               | -                      | -                      | -                      | 0,03                   |
| 1.1.2.7  | Trụ sở công an xã Quảng Phú                                                                                                                                                        | Xã Quảng Phú                                                                                              | Huyện Quảng Trạch        | 0,20                               | 0,07               | -                      | -                      | -                      | 0,13                   |
| 1.1.2.8  | Trụ sở công an xã Quảng Phương                                                                                                                                                     | Xã Quảng Phương                                                                                           | Huyện Quảng Trạch        | 0,50                               | 0,35               | -                      | -                      | -                      | 0,15                   |
| 1.1.2.9  | Trụ sở công an xã Quảng Thanh                                                                                                                                                      | Xã Quảng Thanh                                                                                            | Huyện Quảng Trạch        | 0,50                               | 0,38               | -                      | -                      | -                      | 0,12                   |
| 1.1.2.10 | Trụ sở công an xã Quảng Tùng                                                                                                                                                       | Xã Quảng Tùng                                                                                             | Huyện Quảng Trạch        | 0,23                               | -                  | -                      | -                      | 0,21                   | 0,02                   |
| 1.1.2.11 | Trụ sở công an xã Quảng Xuân                                                                                                                                                       | Xã Quảng Xuân                                                                                             | Huyện Quảng Trạch        | 0,20                               | -                  | -                      | -                      | -                      | 0,20                   |
| 1.1.3    | Đất khu công nghiệp                                                                                                                                                                |                                                                                                           |                          | 42,54                              | 21,17              | -                      | -                      | -                      | 21,37                  |
| 1.1.3.1  | Giải phóng mặt bằng và san lấp Khu công nghiệp Cảng biển Hòn La mở rộng                                                                                                            | Xã Quảng Đông                                                                                             | Huyện Quảng Trạch        | 42,54                              | 21,17              | -                      | -                      | -                      | 21,37                  |
| 1.1.4    | Đất công trình giao thông                                                                                                                                                          |                                                                                                           |                          | 345,46                             | 39,33              | 17,64                  | -                      | 143,31                 | 145,18                 |
| 1.1.4.1  | Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025                                                                                               | Các xã: Liên Trường, Quảng Châu, Quảng Hợp, Quảng Lưu, Quảng Phương, Quảng Thạch, Quảng Thanh, Quảng Tiến | Huyện Quảng Trạch        | 242,07                             | 16,18              | 17,64                  | -                      | 108,94                 | 99,31                  |



| STT      | Tên công trình, dự án                                                                                                                                                                              | Vị trí thực hiện dự án                     |                          | Diện tích đất thực hiện dự án (ha) | Trong đó           |                        |                        |                        |                        |
|----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|--------------------------|------------------------------------|--------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
|          |                                                                                                                                                                                                    | Xã, phường, thị trấn                       | Thành phố, thị xã, huyện |                                    | Đất trồng lúa (ha) | Đất rừng phòng hộ (ha) | Đất rừng đặc dụng (ha) | Đất rừng sản xuất (ha) | Các loại đất khác (ha) |
| (1)      | (2)                                                                                                                                                                                                | (3)                                        | (4)                      | (5)=(6)+(7)+(8)+(9)                | (6)                | (7)                    | (8)                    | (9)                    | (10)                   |
| 1.1.4.2  | Xây dựng Hạ tầng kết nối giao thông từ Trung tâm huyện Quảng Trạch đến Quốc lộ 12A                                                                                                                 | Các xã: Liên Trường, Quảng Phương          | Huyện Quảng Trạch        | 15,50                              | 6,60               | -                      | -                      | 2,25                   | 6,65                   |
| 1.1.4.3  | Đầu tư xây dựng đường nối từ trục N2 đi các xã phía Bắc và kết nối với trục B2 trước nhà máy May, huyện Quảng Trạch                                                                                | Các xã: Quảng Hưng, Quảng Phương           | Huyện Quảng Trạch        | 5,26                               | -                  | -                      | -                      | -                      | 5,26                   |
| 1.1.4.4  | Hạ tầng kết nối giao thông từ Trung tâm huyện lỵ Quảng Trạch đến Tỉnh lộ 22                                                                                                                        | Các xã: Quảng Hưng, Quảng Tiến             | Huyện Quảng Trạch        | 15,00                              | 1,04               | -                      | -                      | 6,44                   | 7,52                   |
| 1.1.4.5  | Dự án thành phần 1 - Đường ven biển thuộc Dự án Đường ven biển và Cầu Nhật Lệ 3, tỉnh Quảng Bình                                                                                                   | Các xã: Quảng Hưng, Quảng Tùng, Quảng Xuân | Huyện Quảng Trạch        | 26,61                              | 2,59               | -                      | -                      | 18,12                  | 5,90                   |
| 1.1.4.6  | Dự án thành phần 1: Đầu tư xây dựng QL.12A đoạn tránh thị xã Ba Đồn thuộc dự án xây dựng cải tạo, nâng cấp QL.12A đoạn tránh thị xã Ba Đồn và đoạn tránh nhà máy xi măng Sông Gianh                | Các xã: Quảng Phương, Quảng Xuân           | Huyện Quảng Trạch        | 10,55                              | 4,01               | -                      | -                      | 0,85                   | 5,69                   |
| 1.1.4.7  | Đầu tư xây dựng cảng cá Roòn (Giai đoạn 2)                                                                                                                                                         | Xã Cảnh Dương                              | Huyện Quảng Trạch        | 0,40                               | -                  | -                      | -                      | -                      | 0,40                   |
| 1.1.4.8  | Dự án thành phần 2: Đầu tư hoàn thiện QL.12A đoạn tránh nhà máy xi măng sông Gianh thuộc dự án xây dựng cải tạo, nâng cấp QL.12A đoạn tránh thị xã Ba Đồn và đoạn tránh nhà máy xi măng Sông Gianh | Xã Phú Cảnh                                | Huyện Quảng Trạch        | 0,81                               | 0,08               | -                      | -                      | 0,23                   | 0,50                   |
| 1.1.4.9  | Khu tái định cư (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án xây dựng cải tạo, nâng cấp QL.12 A đoạn tránh Ba Đồn và đoạn tránh nhà máy xi măng Sông Gianh) - Khu vực 2 (phần đất giao thông)                | Xã Phú Cảnh                                | Huyện Quảng Trạch        | 0,10                               | 0,03               | -                      | -                      | -                      | 0,07                   |
| 1.1.4.10 | Đầu tư xây dựng các tuyến đường xã Quảng Châu, huyện Quảng Trạch                                                                                                                                   | Xã Quảng Châu                              | Huyện Quảng Trạch        | 1,03                               | 0,30               | -                      | -                      | -                      | 0,73                   |
| 1.1.4.11 | Đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật Khu Kinh tế Hòn La, xã Quảng Đông                                                                                                                        | Xã Quảng Đông                              | Huyện Quảng Trạch        | 13,50                              | 7,90               | -                      | -                      | 1,00                   | 4,60                   |
| 1.1.4.12 | Nâng cấp, mở rộng một số cầu, hầm trên Quốc lộ 1 (Hầm đèo Ngang)                                                                                                                                   | Xã Quảng Đông                              | Huyện Quảng Trạch        | 4,30                               | -                  | -                      | -                      | 3,95                   | 0,35                   |
| 1.1.4.13 | Đầu tư xây dựng tuyến đường từ trung tâm huyện đi các xã phía Đông Bắc huyện Quảng Trạch                                                                                                           | Xã Quảng Hưng                              | Huyện Quảng Trạch        | 3,31                               | -                  | -                      | -                      | -                      | 3,31                   |
| 1.1.4.14 | Đầu tư xây dựng hạ tầng tuyến đường từ chợ Quảng Lưu đi Trung tâm xã Quảng Thạch kết nối Tỉnh lộ 22                                                                                                | Xã Quảng Thạch                             | Huyện Quảng Trạch        | 3,63                               | -                  | -                      | -                      | 1,13                   | 2,50                   |
| 1.1.4.15 | Đầu tư xây dựng các tuyến đường xã Quảng Xuân, huyện Quảng Trạch                                                                                                                                   | Xã Quảng Xuân                              | Huyện Quảng Trạch        | 3,39                               | 0,60               | -                      | -                      | 0,40                   | 2,39                   |
| 1.1.5    | <b>Đất công trình thủy lợi</b>                                                                                                                                                                     |                                            |                          | <b>16,67</b>                       | <b>1,94</b>        | -                      | -                      | <b>1,18</b>            | <b>13,55</b>           |
| 1.1.5.1  | Dự án Sửa chữa nâng cấp các hồ, đập xung yếu tỉnh Quảng Bình (Dự án thành phần 2: Sửa chữa hồ Nước Sốt và hồ Khe Mái huyện Quảng Trạch)                                                            | Các xã: Quảng Lưu, Quảng Tiến              | Huyện Quảng Trạch        | 3,56                               | -                  | -                      | -                      | 1,18                   | 2,38                   |



| STT     | Tên công trình, dự án                                                                                          | Vị trí thực hiện dự án                                                                              |                          | Diện tích đất thực hiện dự án (ha) | Trong đó           |                        |                        |                        |                        |
|---------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|------------------------------------|--------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
|         |                                                                                                                | Xã, phường, thị trấn                                                                                | Thành phố, thị xã, huyện |                                    | Đất trồng lúa (ha) | Đất rừng phòng hộ (ha) | Đất rừng đặc dụng (ha) | Đất rừng sản xuất (ha) | Các loại đất khác (ha) |
| (1)     | (2)                                                                                                            | (3)                                                                                                 | (4)                      | (5)=(6)+(7)+(8)+(9)                | (6)                | (7)                    | (8)                    | (9)                    | (10)                   |
| 1.1.5.2 | Nâng cấp hệ thống tưới tiêu và thoát lũ sông Kênh Kja khu vực thị xã Ba Đồn và huyện Quảng Trạch               | Các xã: Quảng Phương, Quảng Thanh                                                                   | Huyện Quảng Trạch        | 13,11                              | 1,94               | -                      | -                      | -                      | 11,17                  |
| 1.1.6   | <b>Đất công trình cấp nước, thoát nước</b>                                                                     |                                                                                                     |                          | <b>45,05</b>                       | <b>6,93</b>        | -                      | -                      | <b>11,02</b>           | <b>27,10</b>           |
| 1.1.6.1 | Tuyến đường ống cấp nước ngọt vận hành của Nhà máy Điện lực Quảng Trạch                                        | Các xã: Quảng Châu, Quảng Đông, Quảng Hợp, Quảng Kim, Quảng Phú                                     | Huyện Quảng Trạch        | 17,62                              | 6,93               | -                      | -                      | 2,30                   | 8,39                   |
| 1.1.6.2 | Nâng cấp, mở rộng công trình nước sạch nông thôn (Cấp nước sinh hoạt xã Cảnh Dương)                            | Xã Cảnh Dương                                                                                       | Huyện Quảng Trạch        | 0,60                               | -                  | -                      | -                      | -                      | 0,60                   |
| 1.1.6.3 | Kênh nhận nước làm mát Dự án xây dựng Nhà máy nhiệt điện Quảng Trạch I thuộc Trung tâm điện lực Quảng Trạch    | Xã Quảng Đông                                                                                       | Huyện Quảng Trạch        | 18,85                              | -                  | -                      | -                      | 5,81                   | 13,04                  |
| 1.1.6.4 | Hệ thống thoát nước mưa và hệ thống thoát nước thải tại trung tâm huyện lỵ mới huyện Quảng Trạch               | Xã Quảng Phương                                                                                     | Huyện Quảng Trạch        | 2,72                               | -                  | -                      | -                      | 1,91                   | 0,81                   |
| 1.1.6.5 | Hệ thống thoát nước mưa và hệ thống thoát nước thải tại trung tâm huyện lỵ mới huyện Quảng Trạch (giai đoạn 1) | Xã Quảng Phương                                                                                     | Huyện Quảng Trạch        | 5,26                               | -                  | -                      | -                      | 1,00                   | 4,26                   |
| 1.1.7   | <b>Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng</b>                                                         |                                                                                                     |                          | <b>192,28</b>                      | <b>31,38</b>       | -                      | -                      | <b>52,06</b>           | <b>108,84</b>          |
| 1.1.7.1 | Dự án Đường dây 500kV Quảng Trạch - Đốc Sỏi                                                                    | Các xã: Liên Trường, Phù Cảnh, Quảng Châu, Quảng Đông, Quảng Hợp, Quảng Kim, Quảng Lưu, Quảng Thạch | Huyện Quảng Trạch        | 7,01                               | -                  | -                      | -                      | -                      | 7,01                   |
| 1.1.7.2 | Cải tạo và phát triển lưới điện trung hạ áp khu vực trung tâm huyện lỵ, thành phố thuộc tỉnh Quảng Bình.       | Các xã: Quảng Đông, Quảng Phú, Quảng Phương, Quảng Xuân                                             | Huyện Quảng Trạch        | 0,09                               | 0,02               | -                      | -                      | 0,01                   | 0,06                   |
| 1.1.7.3 | Bãi thải xi - Trung tâm Điện lực Quảng Trạch xã Quảng Đông                                                     | Xã Quảng Đông                                                                                       | Huyện Quảng Trạch        | 45,20                              | 7,92               | -                      | -                      | 14,31                  | 22,97                  |
| 1.1.7.4 | Các công trình phụ trợ phục vụ thi công Trung tâm Điện lực Quảng Trạch, xã Quảng Đông                          | Xã Quảng Đông                                                                                       | Huyện Quảng Trạch        | 12,25                              | 3,05               | -                      | -                      | 6,82                   | 2,38                   |
| 1.1.7.5 | Dự án đường dây 500kV Quảng Trạch - Quỳnh Lưu, đoạn tuyến qua địa bàn huyện Quảng Trạch                        | Xã Quảng Đông                                                                                       | Huyện Quảng Trạch        | 2,60                               | -                  | -                      | -                      | 2,52                   | 0,08                   |
| 1.1.7.6 | Khu trộn, chứa than và bãi chứa sản phẩm sản xuất từ tro xỉ - Trung tâm Điện lực Quảng Trạch, xã Quảng Đông    | Xã Quảng Đông                                                                                       | Huyện Quảng Trạch        | 80,23                              | 2,58               | -                      | -                      | 28,40                  | 49,25                  |
| 1.1.7.7 | Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch II - Trung tâm điện lực Quảng Trạch, xã Quảng Đông                              | Xã Quảng Đông                                                                                       | Huyện Quảng Trạch        | 44,90                              | 17,81              | -                      | -                      | -                      | 27,09                  |



| STT     | Tên công trình, dự án                                                                                                                                                                                                | Vị trí thực hiện dự án |                          | Diện tích đất thực hiện dự án (ha) | Trong đó           |                        |                        |                        |                        |
|---------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|--------------------------|------------------------------------|--------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
|         |                                                                                                                                                                                                                      | Xã, phường, thị trấn   | Thành phố, thị xã, huyện |                                    | Đất trồng lúa (ha) | Đất rừng phòng hộ (ha) | Đất rừng đặc dụng (ha) | Đất rừng sản xuất (ha) | Các loại đất khác (ha) |
| (1)     | (2)                                                                                                                                                                                                                  | (3)                    | (4)                      | (5)=(6)+(7)+(8)+(9)                | (6)                | (7)                    | (8)                    | (9)                    | (10)                   |
| 1.2     | Các công trình, dự án còn lại đã được xác định trong năm kế hoạch trước được tiếp tục thực hiện trong năm kế hoạch                                                                                                   |                        |                          | 525,35                             | 64,79              | 0,01                   | -                      | 220,23                 | 240,32                 |
| 1.2.1   | Đất nông nghiệp khác                                                                                                                                                                                                 |                        |                          | 14,45                              | -                  | -                      | -                      | 11,18                  | 3,27                   |
| 1.2.1.1 | Trang trại trồng cây xanh sinh thái xen canh vùng nguyên liệu xã Quảng Tùng                                                                                                                                          | Xã Quảng Tùng          | Huyện Quảng Trạch        | 9,65                               | -                  | -                      | -                      | 8,00                   | 1,65                   |
| 1.2.1.2 | Trang trại trồng rau sạch công nghệ cao của Công ty TNHH Lê Dũng Linh                                                                                                                                                | Xã Quảng Tùng          | Huyện Quảng Trạch        | 4,80                               | -                  | -                      | -                      | 3,18                   | 1,62                   |
| 1.2.2   | Đất ở tại nông thôn                                                                                                                                                                                                  |                        |                          | 11,35                              | 5,15               | -                      | -                      | 4,52                   | 1,68                   |
| 1.2.2.1 | Hạ tầng kỹ thuật khu quy hoạch khu dân cư thôn Minh Sơn xã Quảng Đông, huyện Quảng Trạch (Giai đoạn 1)                                                                                                               | Xã Quảng Đông          | Huyện Quảng Trạch        | 3,76                               | 3,03               | -                      | -                      | -                      | 0,73                   |
| 1.2.2.2 | Hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư tại đồng Chợ, thôn Tam Đa, xã Quảng Lưu, huyện Quảng Trạch, phục vụ công tác GPMB dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025 (phần còn lại) | Xã Quảng Lưu           | Huyện Quảng Trạch        | 0,71                               | 0,69               | -                      | -                      | -                      | 0,02                   |
| 1.2.2.3 | Hạ tầng kỹ thuật khu Quy hoạch khu dân cư thôn Nam Lành, xã Quảng Phú, huyện Quảng Trạch (phần còn lại)                                                                                                              | Xã Quảng Phú           | Huyện Quảng Trạch        | 0,90                               | 0,46               | -                      | -                      | -                      | 0,44                   |
| 1.2.2.4 | Đất lẻ xen cư làm nhà ở thôn Đông Dương, xã Quảng Phương, huyện Quảng Trạch (đã thu hồi đất)                                                                                                                         | Xã Quảng Phương        | Huyện Quảng Trạch        | 0,15                               | -                  | -                      | -                      | -                      | 0,15                   |
| 1.2.2.5 | Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư tại xã Quảng Phương, huyện Quảng Trạch (giai đoạn 1), phục vụ công tác GPMB dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025 (đợt 2)              | Xã Quảng Phương        | Huyện Quảng Trạch        | 0,64                               | 0,40               | -                      | -                      | -                      | 0,24                   |
| 1.2.2.6 | HTKT khu vực phía Đông Nam trung tâm huyện lỵ Quảng Trạch (GĐ1) xã Quảng Phương                                                                                                                                      | Xã Quảng Phương        | Huyện Quảng Trạch        | 4,52                               | -                  | -                      | -                      | 4,52                   | -                      |
| 1.2.2.7 | Hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư (phục vụ giải phóng mặt bằng Dự án thành phần 1: Đường ven biển thuộc Dự án Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3) (đợt 2)                                                                | Xã Quảng Tùng          | Huyện Quảng Trạch        | 0,67                               | 0,57               | -                      | -                      | -                      | 0,10                   |
| 1.2.3   | Đất xây dựng trụ sở cơ quan                                                                                                                                                                                          |                        |                          | 0,49                               | -                  | -                      | -                      | -                      | 0,49                   |
| 1.2.3.1 | Xây dựng trụ sở làm việc Đảng ủy, HĐND, UBND xã Quảng Lưu                                                                                                                                                            | Xã Quảng Lưu           | Huyện Quảng Trạch        | 0,49                               | -                  | -                      | -                      | -                      | 0,49                   |
| 1.2.4   | Đất quốc phòng                                                                                                                                                                                                       |                        |                          | 43,83                              | -                  | -                      | -                      | 33,47                  | 10,36                  |
| 1.2.4.1 | Thao trường bắn tổng hợp lực lượng vũ trang huyện Quảng Trạch                                                                                                                                                        | Xã Liên Trường         | Huyện Quảng Trạch        | 15,58                              | -                  | -                      | -                      | 15,58                  | -                      |



| STT     | Tên công trình, dự án                                                                                                                                                                                                                  | Vị trí thực hiện dự án         |                          | Diện tích đất thực hiện dự án (ha) | Trong đó           |                        |                        |                        |                        |
|---------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|--------------------------|------------------------------------|--------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
|         |                                                                                                                                                                                                                                        | Xã, phường, thị trấn           | Thành phố, thị xã, huyện |                                    | Đất trồng lúa (ha) | Đất rừng phòng hộ (ha) | Đất rừng đặc dụng (ha) | Đất rừng sản xuất (ha) | Các loại đất khác (ha) |
| (1)     | (2)                                                                                                                                                                                                                                    | (3)                            | (4)                      | (5)=(6)+(7)+(8)+(9)                | (6)                | (7)                    | (8)                    | (9)                    | (10)                   |
| 1.2.4.2 | Thao trường huấn luyện, diễn tập, chuyển trạng thái sẵn sàng chiến đấu của BCH QS huyện Quảng Trạch (Đổi tên theo công văn số 2360/QK-TM ngày 24/8/2023 của Quân khu 4 - Bộ Quốc phòng. Tên cũ : Sở chỉ huy diễn tập khu vực phòng thủ | Xã Quảng Châu                  | Huyện Quảng Trạch        | 28,20                              | -                  | -                      | -                      | 17,89                  | 10,31                  |
| 1.2.4.3 | Nhà làm việc Ban chỉ huy Quân sự xã Quảng Tiến                                                                                                                                                                                         | Xã Quảng Tiến                  | Huyện Quảng Trạch        | 0,05                               | -                  | -                      | -                      | -                      | 0,05                   |
| 1.2.5   | <b>Đất an ninh</b>                                                                                                                                                                                                                     |                                |                          | <b>14,13</b>                       | -                  | -                      | -                      | -                      | <b>14,13</b>           |
| 1.2.5.1 | Tiểu đoàn Cảnh sát cơ động số 3 thuộc Trung đoàn cảnh sát cơ động Bắc Trung Bộ (E26) Bộ Công An                                                                                                                                        | Xã Quảng Hưng                  | Huyện Quảng Trạch        | 14,00                              | -                  | -                      | -                      | -                      | 14,00                  |
| 1.2.5.2 | Trụ sở công an xã Quảng Lưu                                                                                                                                                                                                            | Xã Quảng Lưu                   | Huyện Quảng Trạch        | 0,13                               | -                  | -                      | -                      | -                      | 0,13                   |
| 1.2.6   | <b>Đất xây dựng cơ sở văn hóa</b>                                                                                                                                                                                                      |                                |                          | <b>2,49</b>                        | <b>0,08</b>        | -                      | -                      | <b>0,23</b>            | <b>2,18</b>            |
| 1.2.6.1 | Nâng cấp mở rộng sửa chữa xây mới tượng đài nghĩa trang liệt sĩ xã Quảng Hưng                                                                                                                                                          | Xã Quảng Hưng                  | Huyện Quảng Trạch        | 0,10                               | 0,08               | -                      | -                      | -                      | 0,02                   |
| 1.2.6.2 | Trung tâm văn hóa huyện Quảng Trạch (đã thu hồi đất)                                                                                                                                                                                   | Xã Quảng Phương                | Huyện Quảng Trạch        | 2,39                               | -                  | -                      | -                      | 0,23                   | 2,16                   |
| 1.2.7   | <b>Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo</b>                                                                                                                                                                                          |                                |                          | <b>1,79</b>                        | -                  | -                      | -                      | <b>0,96</b>            | <b>0,83</b>            |
| 1.2.7.1 | Trường mầm non Quảng Châu (điểm trường Hòa Lạc)                                                                                                                                                                                        | Xã Quảng Châu                  | Huyện Quảng Trạch        | 0,17                               | -                  | -                      | -                      | -                      | 0,17                   |
| 1.2.7.2 | Trường trung học cơ sở Quảng Châu                                                                                                                                                                                                      | Xã Quảng Châu                  | Huyện Quảng Trạch        | 0,24                               | -                  | -                      | -                      | -                      | 0,24                   |
| 1.2.7.3 | Sân thể dục thể thao, đường chạy, các hạng mục phụ trợ và hàng rào bao quanh sân TDTT trường THCS xã Quảng Lưu                                                                                                                         | Xã Quảng Lưu                   | Huyện Quảng Trạch        | 0,32                               | -                  | -                      | -                      | -                      | 0,32                   |
| 1.2.7.4 | Xây dựng 4 phòng học 2 tầng, bếp ăn Trường Mầm non khu vực Tam Đa và các hạng mục phụ trợ Trường Mầm non khu vực trung tâm, xã Quảng Lưu                                                                                               | Xã Quảng Lưu                   | Huyện Quảng Trạch        | 0,10                               | -                  | -                      | -                      | -                      | 0,10                   |
| 1.2.7.5 | Trường trung cấp nghề Bình Minh Quảng Bình - Cơ sở 2 (đợt 2)                                                                                                                                                                           | Xã Quảng Phương                | Huyện Quảng Trạch        | 0,96                               | -                  | -                      | -                      | 0,96                   | -                      |
| 1.2.8   | <b>Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao</b>                                                                                                                                                                                            |                                |                          | <b>4,82</b>                        | <b>3,73</b>        | -                      | -                      | -                      | <b>1,09</b>            |
| 1.2.8.1 | Sân thể thao thôn Tùng Giang, xã Quảng Châu                                                                                                                                                                                            | Xã Quảng Châu                  | Huyện Quảng Trạch        | 0,40                               | 0,40               | -                      | -                      | -                      | -                      |
| 1.2.8.2 | Xây dựng Sân vận động khu trung tâm xã Quảng Đông                                                                                                                                                                                      | Xã Quảng Đông                  | Huyện Quảng Trạch        | 1,31                               | 1,03               | -                      | -                      | -                      | 0,28                   |
| 1.2.8.3 | Xây dựng sân thể thao xã Quảng Lưu                                                                                                                                                                                                     | Xã Quảng Lưu                   | Huyện Quảng Trạch        | 0,55                               | -                  | -                      | -                      | -                      | 0,55                   |
| 1.2.8.4 | Khu văn hóa, thể thao, đình làng thôn Thanh Bình xã Quảng Xuân                                                                                                                                                                         | Xã Quảng Xuân                  | Huyện Quảng Trạch        | 2,56                               | 2,30               | -                      | -                      | -                      | 0,26                   |
| 1.2.9   | <b>Đất khu công nghiệp</b>                                                                                                                                                                                                             |                                |                          | <b>310,82</b>                      | <b>46,10</b>       | -                      | -                      | <b>132,60</b>          | <b>132,12</b>          |
| 1.2.9.1 | Xây dựng hạ tầng và thu hút đầu tư Khu công nghiệp cửa ngõ phía Tây                                                                                                                                                                    | Các xã: Quảng Hưng, Quảng Tùng | Huyện Quảng Trạch        | 137,00                             | -                  | -                      | -                      | 110,00                 | 27,00                  |
| 1.2.9.2 | Dự án Trung tâm Logistics và thương mại dịch vụ Hòn La tại KCN Hòn La II                                                                                                                                                               | Xã Quảng Phú                   | Huyện Quảng Trạch        | 8,62                               | 7,90               | -                      | -                      | -                      | 0,72                   |
| 1.2.9.3 | Xây dựng hạ tầng và thu hút đầu tư Khu công nghiệp Hòn La II, xã Quảng Phú                                                                                                                                                             | Xã Quảng Phú                   | Huyện Quảng Trạch        | 165,20                             | 38,20              | -                      | -                      | 22,60                  | 104,40                 |



| STT       | Tên công trình, dự án                                                                                                                                           | Vị trí thực hiện dự án        |                          | Diện tích đất thực hiện dự án (ha) | Trong đó           |                        |                        |                        |                        |
|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|--------------------------|------------------------------------|--------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
|           |                                                                                                                                                                 | Xã, phường, thị trấn          | Thành phố, thị xã, huyện |                                    | Đất trồng lúa (ha) | Đất rừng phòng hộ (ha) | Đất rừng đặc dụng (ha) | Đất rừng sản xuất (ha) | Các loại đất khác (ha) |
| (1)       | (2)                                                                                                                                                             | (3)                           | (4)                      | (5)=(6)+(7)+(8)+(9)                | (6)                | (7)                    | (8)                    | (9)                    | (10)                   |
| 1.2.10    | <b>Đất thương mại, dịch vụ</b>                                                                                                                                  |                               |                          | 19,53                              | 0,26               | -                      | -                      | 9,79                   | 9,48                   |
| 1.2.10.1  | Khu sinh thái biển - Green Palm Resort của Công ty cổ phần thương mại và đầu tư quốc tế ITI, xã Quảng Đông                                                      | Các xã: Quảng Đông, Quảng Phú | Huyện Quảng Trạch        | 5,53                               | -                  | -                      | -                      | 3,20                   | 2,33                   |
| 1.2.10.2  | Trạm dừng nghỉ Hòn La của công ty Cổ phần TMTH Đại Quân, xã Quảng Đông                                                                                          | Xã Quảng Đông                 | Huyện Quảng Trạch        | 1,00                               | -                  | -                      | -                      | -                      | 1,00                   |
| 1.2.10.3  | Đấu giá Đất thương mại, dịch vụ xã Quảng Hưng tại thửa đất số 83, tờ bản đồ số 19, xã Quảng Hưng                                                                | Xã Quảng Hưng                 | Huyện Quảng Trạch        | 0,50                               | -                  | -                      | -                      | -                      | 0,50                   |
| 1.2.10.4  | Đấu giá quyền sử dụng đất đối với khu đất thương mại, dịch vụ tại Dự án HTKT Khu quy hoạch khu vực thôn 1 Tú Loan, xã Quảng Hưng                                | Xã Quảng Hưng                 | Huyện Quảng Trạch        | 0,28                               | -                  | -                      | -                      | -                      | 0,28                   |
| 1.2.10.5  | Đấu giá quyền sử dụng đất đối với khu đất thương mại, dịch vụ tại xã Quảng Hưng                                                                                 | Xã Quảng Hưng                 | Huyện Quảng Trạch        | 0,39                               | -                  | -                      | -                      | -                      | 0,39                   |
| 1.2.10.6  | Khu Resort 4 sao Thác Tam Cấp                                                                                                                                   | Xã Quảng Kim                  | Huyện Quảng Trạch        | 4,80                               | -                  | -                      | -                      | 4,79                   | 0,01                   |
| 1.2.10.7  | Đấu giá quyền sử dụng đất đối với khu đất thương mại, dịch vụ tại khu đất phía Đông Nam trung tâm huyện lỵ mới huyện Quảng Trạch (Giai đoạn 1), xã Quảng Phương | Xã Quảng Phương               | Huyện Quảng Trạch        | 2,50                               | -                  | -                      | -                      | -                      | 2,50                   |
| 1.2.10.8  | Khu liên hợp thể thao giải trí Tiên Phong của Công ty TNHH xây dựng tổng hợp Tiên Phong, xã Quảng Phương                                                        | Xã Quảng Phương               | Huyện Quảng Trạch        | 1,80                               | -                  | -                      | -                      | -                      | 1,80                   |
| 1.2.10.9  | Khu thương mại dịch vụ Tân Việt                                                                                                                                 | Xã Quảng Phương               | Huyện Quảng Trạch        | 0,26                               | 0,26               | -                      | -                      | -                      | -                      |
| 1.2.10.10 | Trụ sở làm việc và khu dịch vụ tổng hợp Quảng Phương của công ty TNHH tư vấn xây dựng Xuân Quang, xã Quảng Phương                                               | Xã Quảng Phương               | Huyện Quảng Trạch        | 1,81                               | -                  | -                      | -                      | 1,80                   | 0,01                   |
| 1.2.10.11 | Đấu giá quyền sử dụng đất đối với khu đất thương mại, dịch vụ tại thửa đất số 1284, tờ BĐDC số 20, xã Quảng Thạch                                               | Xã Quảng Thạch                | Huyện Quảng Trạch        | 0,50                               | -                  | -                      | -                      | -                      | 0,50                   |
| 1.2.10.12 | Đấu giá quyền sử dụng đất đối với khu đất thương mại, dịch vụ tại Dự án Khu dân cư thôn Dy Lộc, xã Quảng Tùng                                                   | Xã Quảng Tùng                 | Huyện Quảng Trạch        | 0,16                               | -                  | -                      | -                      | -                      | 0,16                   |
| 1.2.11    | <b>Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp</b>                                                                                                                       |                               |                          | 6,19                               | -                  | -                      | -                      | 3,28                   | 2,91                   |
| 1.2.11.1  | Xưởng mộc dân dụng và chạm khắc đồ gỗ bằng công nghệ CNC                                                                                                        | Xã Liên Trường                | Huyện Quảng Trạch        | 0,06                               | -                  | -                      | -                      | 0,06                   | -                      |
| 1.2.11.2  | Nhà máy sản xuất giày da xuất khẩu Quảng Phương (đấu giá đất)                                                                                                   | Xã Quảng Phương               | Huyện Quảng Trạch        | 2,91                               | -                  | -                      | -                      | -                      | 2,91                   |
| 1.2.11.3  | Bãi tập kết sét gạch ngói tại xã Quảng Tiến, huyện Quảng Trạch                                                                                                  | Xã Quảng Tiến                 | Huyện Quảng Trạch        | 3,22                               | -                  | -                      | -                      | 3,22                   | -                      |
| 1.2.12    | <b>Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản</b>                                                                                                                     |                               |                          | 24,77                              | -                  | -                      | -                      | 9,97                   | 14,80                  |
| 1.2.12.1  | Mô sét gạch ngói tại thôn Vân Tiên, xã Quảng Lưu                                                                                                                | Xã Quảng Lưu                  | Huyện Quảng Trạch        | 4,80                               | -                  | -                      | -                      | -                      | 4,80                   |



| STT       | Tên công trình, dự án                                                                                                                   | Vị trí thực hiện dự án           |                          | Diện tích đất thực hiện dự án (ha) | Trong đó           |                        |                        |                        |                        |
|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|--------------------------|------------------------------------|--------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
|           |                                                                                                                                         | Xã, phường, thị trấn             | Thành phố, thị xã, huyện |                                    | Đất trồng lúa (ha) | Đất rừng phòng hộ (ha) | Đất rừng đặc dụng (ha) | Đất rừng sản xuất (ha) | Các loại đất khác (ha) |
| (1)       | (2)                                                                                                                                     | (3)                              | (4)                      | (5)=(6)+(7)+(8)+(9)                | (6)                | (7)                    | (8)                    | (9)                    | (10)                   |
| 1.2.12.2  | Mô sét gạch ngói tại xã Quảng Lưu                                                                                                       | Xã Quảng Lưu                     | Huyện Quảng Trạch        | 10,00                              | -                  | -                      | -                      | -                      | 10,00                  |
| 1.2.12.3  | Mô sét gạch ngói tại xã Quảng Lưu, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình                                                                   | Xã Quảng Lưu                     | Huyện Quảng Trạch        | 9,97                               | -                  | -                      | -                      | 9,97                   | -                      |
| 1.2.13    | <b>Đất công trình giao thông</b>                                                                                                        |                                  |                          | <b>53,43</b>                       | <b>8,58</b>        | -                      | -                      | <b>10,44</b>           | <b>34,41</b>           |
| 1.2.13.1  | Cải tạo, nâng cấp hạ tầng tuyến đường từ trung tâm xã Cảnh Dương đi xã Quảng Tùng                                                       | Các xã: Cảnh Dương, Quảng Tùng   | Huyện Quảng Trạch        | 2,58                               | 0,97               | -                      | -                      | 0,08                   | 1,53                   |
| 1.2.13.2  | Đường giao thông và cầu kết nối xã Liên Trường qua xã Phù Hóa, huyện Quảng Trạch                                                        | Các xã: Liên Trường, Phù Cảnh    | Huyện Quảng Trạch        | 1,32                               | 0,82               | -                      | -                      | -                      | 0,50                   |
| 1.2.13.3  | Hoàn thiện hạ tầng tuyến đường nối từ Quốc lộ 1 đi Bàu Sen                                                                              | Các xã: Quảng Hưng, Quảng Phương | Huyện Quảng Trạch        | 3,20                               | -                  | -                      | -                      | 0,50                   | 2,70                   |
| 1.2.13.4  | Nâng cấp, mở rộng tuyến đê kè đoạn từ cảng cá Roồn đến trạm biên phòng xã Cảnh Dương, huyện Quảng Trạch                                 | Xã Cảnh Dương                    | Huyện Quảng Trạch        | 2,00                               | -                  | -                      | -                      | -                      | 2,00                   |
| 1.2.13.5  | Nâng cấp các tuyến đường nội vùng tại thôn Cấp Sơn, xã Cảnh Hóa                                                                         | Xã Phù Cảnh                      | Huyện Quảng Trạch        | 0,36                               | -                  | -                      | -                      | -                      | 0,36                   |
| 1.2.13.6  | Tuyến đường từ Trụ sở Chi cục Thi hành án đến đường đi xã Quảng Lưu (Giai đoạn 2)                                                       | Xã Quảng Lưu                     | Huyện Quảng Trạch        | 2,59                               | 0,07               | -                      | -                      | 2,00                   | 0,52                   |
| 1.2.13.7  | Hạ tầng giao thông từ Đài tưởng niệm các anh hùng liệt sỹ huyện đến Cổng di tích lịch sử văn hóa Chiến khu Trung Thuần, xã Quảng Phương | Xã Quảng Phương                  | Huyện Quảng Trạch        | 6,54                               | 3,19               | -                      | -                      | 0,10                   | 3,25                   |
| 1.2.13.8  | Hạ tầng giao thông tuyến đường từ Trụ sở Trung tâm văn hóa kết nối với Trục đường D3                                                    | Xã Quảng Phương                  | Huyện Quảng Trạch        | 3,00                               | -                  | -                      | -                      | 1,20                   | 1,80                   |
| 1.2.13.9  | Hạ tầng nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ chợ Hướng Phương đi chợ Pháp Kệ, xã Quảng Phương                                               | Xã Quảng Phương                  | Huyện Quảng Trạch        | 3,22                               | 1,90               | -                      | -                      | -                      | 1,32                   |
| 1.2.13.10 | Nâng cấp, mở rộng đường trục chính từ thị xã Ba Đồn vào trung tâm huyện Quảng Trạch (Giai đoạn 2)                                       | Xã Quảng Phương                  | Huyện Quảng Trạch        | 1,82                               | -                  | -                      | -                      | 0,55                   | 1,27                   |
| 1.2.13.11 | Nâng cấp, sửa chữa hạ tầng 2 tuyến đường nội vùng xã Quảng Phương                                                                       | Xã Quảng Phương                  | Huyện Quảng Trạch        | 2,45                               | 0,05               | -                      | -                      | 0,20                   | 2,20                   |
| 1.2.13.12 | Tuyến đường kết nối từ trục N1 đến trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch (giai đoạn 2)                                               | Xã Quảng Phương                  | Huyện Quảng Trạch        | 0,91                               | -                  | -                      | -                      | 0,66                   | 0,25                   |
| 1.2.13.13 | Tuyến đường phía Bắc Trường Tiểu học và THCS kết nối với hồ Bàu Mây tại Trung tâm huyện lỵ, huyện Quảng Trạch                           | Xã Quảng Phương                  | Huyện Quảng Trạch        | 2,80                               | -                  | -                      | -                      | 1,73                   | 1,07                   |
| 1.2.13.14 | Tuyến đường từ trụ sở Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Trạch đến đường đi xã Quảng Lưu (GD1)                                      | Xã Quảng Phương                  | Huyện Quảng Trạch        | 1,63                               | 0,06               | -                      | -                      | 1,14                   | 0,43                   |
| 1.2.13.15 | Xây dựng hạ tầng giao thông tuyến đường từ trục N1 đến Nhà máy may An Dân tại Trung tâm huyện lỵ, huyện Quảng Trạch                     | Xã Quảng Phương                  | Huyện Quảng Trạch        | 1,10                               | -                  | -                      | -                      | 0,50                   | 0,60                   |



| STT       | Tên công trình, dự án                                                                                                                                                                                                                                                           | Vị trí thực hiện dự án                                                                        |                          | Diện tích đất thực hiện dự án (ha) | Trong đó           |                        |                        |                        |                        |
|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|------------------------------------|--------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
|           |                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Xã, phường, thị trấn                                                                          | Thành phố, thị xã, huyện |                                    | Đất trồng lúa (ha) | Đất rừng phòng hộ (ha) | Đất rừng đặc dụng (ha) | Đất rừng sản xuất (ha) | Các loại đất khác (ha) |
| (1)       | (2)                                                                                                                                                                                                                                                                             | (3)                                                                                           | (4)                      | (5)=(6)+(7)+(8)+(9)                | (6)                | (7)                    | (8)                    | (9)                    | (10)                   |
| 1.2.13.16 | Hạ tầng tuyến đường kết hợp kè thôn Tân An đi thôn Phú Ninh, xã Quảng Thanh, huyện Quảng Trạch                                                                                                                                                                                  | Xã Quảng Thanh                                                                                | Huyện Quảng Trạch        | 8,51                               | -                  | -                      | -                      | -                      | 8,51                   |
| 1.2.13.17 | Nâng cấp hạ tầng tuyến đường từ Di tích lịch sử thôn Phúc Kiều đi đường Tỉnh lộ 22 và tuyến đường giao thông liên thôn Phúc Kiều - Di Luân, xã Quảng Tùng                                                                                                                       | Xã Quảng Tùng                                                                                 | Huyện Quảng Trạch        | 2,80                               | 0,90               | -                      | -                      | 1,30                   | 0,60                   |
| 1.2.13.18 | Xây dựng bê tông hoá tuyến đường giao thông nông thôn phía Nam Kênh mương Vực Tròn tại thôn Phúc Kiều và thôn Sơn Tùng, xã Quảng Tùng                                                                                                                                           | Xã Quảng Tùng                                                                                 | Huyện Quảng Trạch        | 2,00                               | -                  | -                      | -                      | -                      | 2,00                   |
| 1.2.13.19 | Xây dựng các hạng mục phụ trợ công trình Trung tâm Y tế huyện Quảng Trạch                                                                                                                                                                                                       | Xã Quảng Tùng                                                                                 | Huyện Quảng Trạch        | 0,41                               | -                  | -                      | -                      | 0,30                   | 0,11                   |
| 1.2.13.20 | Cải tạo, nâng cấp hạ tầng 02 tuyến đường nội vùng đi đường ven biển thuộc xã Quảng Xuân                                                                                                                                                                                         | Xã Quảng Xuân                                                                                 | Huyện Quảng Trạch        | 4,19                               | 0,62               | -                      | -                      | 0,18                   | 3,39                   |
| 1.2.14    | <b>Đất công trình thủy lợi</b>                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                               |                          | 9,43                               | -                  | -                      | -                      | 0,05                   | 9,38                   |
| 1.2.14.1  | Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Bầu Sen tại trung tâm huyện Quảng Trạch                                                                                                                                                                                                         | Xã Quảng Phương                                                                               | Huyện Quảng Trạch        | 3,00                               | -                  | -                      | -                      | 0,05                   | 2,95                   |
| 1.2.14.2  | Nâng cấp, Sửa chữa khẩn cấp tuyến đê kè đoạn qua thôn Phú Ninh, xã Quảng Thanh (đã thu hồi đất)                                                                                                                                                                                 | Xã Quảng Thanh                                                                                | Huyện Quảng Trạch        | 4,43                               | -                  | -                      | -                      | -                      | 4,43                   |
| 1.2.14.3  | Nâng cấp, sửa chữa khẩn cấp tuyến đê kè dọc sông Gianh đoạn qua xã Quảng Thanh                                                                                                                                                                                                  | Xã Quảng Thanh                                                                                | Huyện Quảng Trạch        | 2,00                               | -                  | -                      | -                      | -                      | 2,00                   |
| 1.2.15    | <b>Đất công trình cấp nước, thoát nước</b>                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                               |                          | 0,09                               | 0,09               | -                      | -                      | -                      | -                      |
| 1.2.15.1  | Xây dựng Trạm bơm đồng Cồn Gộc xã Quảng Kim                                                                                                                                                                                                                                     | Xã Quảng Kim                                                                                  | Huyện Quảng Trạch        | 0,09                               | 0,09               | -                      | -                      | -                      | -                      |
| 1.2.16    | <b>Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng</b>                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                               |                          | 2,39                               | 0,06               | 0,01                   | -                      | 2,03                   | 0,29                   |
| 1.2.16.1  | Di dời, hoàn trả hệ thống hạ tầng kỹ thuật đường điện trung thế, hạ thế, trạm biến áp bị ảnh hưởng do GPMB thực hiện dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021 - 2025, đoạn Vũng Áng - Bùn, qua địa bàn huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình | Các xã: Liên Trường, Quảng Châu, Quảng Hợp, Quảng Lưu, Quảng Phương, Quảng Thạch, Quảng Thanh | Huyện Quảng Trạch        | 0,29                               | 0,06               | 0,01                   | -                      | 0,02                   | 0,20                   |
| 1.2.16.2  | Di dời, hoàn trả hệ thống đường điện 500 kV và 110 kV, trung thế, hạ thế, trạm biến áp bị ảnh hưởng do GPMB thực hiện Dự án xây dựng công trình đường bộ Cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025 (đoạn qua huyện Quảng Trạch)                                           | Các xã: Quảng Châu, Quảng Hợp, Quảng Thanh                                                    | Huyện Quảng Trạch        | 2,10                               | -                  | -                      | -                      | 2,01                   | 0,09                   |
| 1.2.17    | <b>Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin</b>                                                                                                                                                                                                        |                                                                                               |                          | 1,35                               | -                  | -                      | -                      | 0,15                   | 1,20                   |



| STT      | Tên công trình, dự án                                                                                                                                                                                                                            | Vị trí thực hiện dự án                                                          |                          | Diện tích đất thực hiện dự án (ha) | Trong đó           |                        |                        |                        |                        |
|----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|------------------------------------|--------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
|          |                                                                                                                                                                                                                                                  | Xã, phường, thị trấn                                                            | Thành phố, thị xã, huyện |                                    | Đất trồng lúa (ha) | Đất rừng phòng hộ (ha) | Đất rừng đặc dụng (ha) | Đất rừng sản xuất (ha) | Các loại đất khác (ha) |
| (1)      | (2)                                                                                                                                                                                                                                              | (3)                                                                             | (4)                      | (5)=(6)+(7)+(8)+(9)                | (6)                | (7)                    | (8)                    | (9)                    | (10)                   |
| 1.2.17.1 | Di dời hạ tầng kỹ thuật viễn thông Viettel Quảng Bình bị ảnh hưởng do GPMB thực hiện dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021 - 2025, đoạn Vũng Áng - Bùng, qua địa bàn huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình | Các xã: Quảng Châu, Quảng Hợp, Quảng Lưu, Quảng Phương, Quảng Thanh, Quảng Tiến | Huyện Quảng Trạch        | 0,70                               | -                  | -                      | -                      | 0,10                   | 0,60                   |
| 1.2.17.2 | Di dời hạ tầng kỹ thuật Viễn thông VNPT Quảng Bình bị ảnh hưởng do GPMB thực hiện dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021 - 2025, đoạn Vũng Áng - Bùng, qua địa bàn huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình    | Các xã: Quảng Châu, Quảng Hợp, Quảng Lưu, Quảng Phương, Quảng Thanh, Quảng Tiến | Huyện Quảng Trạch        | 0,65                               | -                  | -                      | -                      | 0,05                   | 0,60                   |
| 1.2.18   | <b>Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng</b>                                                                                                                                                                                 |                                                                                 |                          | 1,96                               | 0,44               | -                      | -                      | 0,95                   | 0,57                   |
| 1.2.18.1 | Mở rộng khuôn viên Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn 5 xã Liên Trường                                                                                                                                                                                 | Xã Liên Trường                                                                  | Huyện Quảng Trạch        | 0,14                               | 0,06               | -                      | -                      | -                      | 0,08                   |
| 1.2.18.2 | Nhà văn hóa kết hợp nhà vượt lũ thôn Trung Tiến, xã Phù Hóa                                                                                                                                                                                      | Xã Phù Cánh                                                                     | Huyện Quảng Trạch        | 0,13                               | -                  | -                      | -                      | -                      | 0,13                   |
| 1.2.18.3 | Nhà văn hóa kết hợp nhà vượt lũ thôn Trường Long, xã Phù Hóa                                                                                                                                                                                     | Xã Phù Cánh                                                                     | Huyện Quảng Trạch        | 0,12                               | 0,02               | -                      | -                      | -                      | 0,10                   |
| 1.2.18.4 | Nhà văn hóa thôn Lý Nguyên, xã Quảng Châu                                                                                                                                                                                                        | Xã Quảng Châu                                                                   | Huyện Quảng Trạch        | 0,95                               | -                  | -                      | -                      | 0,95                   | -                      |
| 1.2.18.5 | Nhà văn hóa, khuôn viên thôn Hùng Sơn, xã Quảng Kim                                                                                                                                                                                              | Xã Quảng Kim                                                                    | Huyện Quảng Trạch        | 0,24                               | -                  | -                      | -                      | -                      | 0,24                   |
| 1.2.18.6 | Xây dựng Nhà văn hóa thôn 2, xã Quảng Kim                                                                                                                                                                                                        | Xã Quảng Kim                                                                    | Huyện Quảng Trạch        | 0,23                               | 0,23               | -                      | -                      | -                      | -                      |
| 1.2.18.7 | Xây dựng Nhà văn hóa thôn Tam Đa, xã Quảng Lưu                                                                                                                                                                                                   | Xã Quảng Lưu                                                                    | Huyện Quảng Trạch        | 0,15                               | 0,13               | -                      | -                      | -                      | 0,02                   |
| 1.2.19   | <b>Đất tôn giáo</b>                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                 |                          | 0,55                               | 0,17               | -                      | -                      | -                      | 0,38                   |
| 1.2.19.1 | Mở rộng khuôn viên Nhà thờ Giáo xứ Chợ Sàng, xã Liên Trường                                                                                                                                                                                      | Xã Liên Trường                                                                  | Huyện Quảng Trạch        | 0,35                               | 0,17               | -                      | -                      | -                      | 0,18                   |
| 1.2.19.2 | Nhà thờ và công trình phụ trợ Giáo họ Trường Cát                                                                                                                                                                                                 | Xã Phù Cánh                                                                     | Huyện Quảng Trạch        | 0,20                               | -                  | -                      | -                      | -                      | 0,20                   |
| 1.2.20   | <b>Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt</b>                                                                                                                                                                   |                                                                                 |                          | 1,49                               | 0,13               | -                      | -                      | 0,61                   | 0,75                   |
| 1.2.20.1 | Hạ tầng kỹ thuật Khu nghĩa trang nhân dân tại xã Phù Hóa, huyện Quảng Trạch (đợt 2)                                                                                                                                                              | Xã Phù Cánh                                                                     | Huyện Quảng Trạch        | 0,66                               | 0,13               | -                      | -                      | -                      | 0,53                   |
| 1.2.20.2 | Hạ tầng kỹ thuật quy hoạch chi tiết khu nghĩa địa thôn Pháp Kê, xã Quảng Phương                                                                                                                                                                  | Xã Quảng Phương                                                                 | Huyện Quảng Trạch        | 0,83                               | -                  | -                      | -                      | 0,61                   | 0,22                   |
| II       | Các công trình, dự án theo quy định tại Điều 78 và Điều 79 Luật Đất đai thực hiện trong năm kế hoạch mà chưa có các văn bản theo quy định tại khoản 4 Điều 67 Luật Đất đai                                                                       |                                                                                 |                          | -                                  | -                  | -                      | -                      | -                      | -                      |



| STT     | Tên công trình, dự án                                                                                                                                                                                    | Vị trí thực hiện dự án           |                          | Diện tích đất thực hiện dự án (ha) | Trong đó           |                        |                        |                        |                        |
|---------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|--------------------------|------------------------------------|--------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
|         |                                                                                                                                                                                                          | Xã, phường, thị trấn             | Thành phố, thị xã, huyện |                                    | Đất trồng lúa (ha) | Đất rừng phòng hộ (ha) | Đất rừng đặc dụng (ha) | Đất rừng sản xuất (ha) | Các loại đất khác (ha) |
| (1)     | (2)                                                                                                                                                                                                      | (3)                              | (4)                      | (5)=(6)+(7)+(8)+(9)                | (6)                | (7)                    | (8)                    | (9)                    | (10)                   |
| III     | Các công trình, dự án theo nhu cầu sử dụng đất không thuộc quy định tại mục I, mục II Biểu này và không thuộc trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 116 Luật Đất đai dự kiến thực hiện trong năm kế hoạch |                                  |                          | 161,90                             | 14,84              | -                      | -                      | 17,81                  | 129,25                 |
| 3.1     | Các công trình, dự án theo quy định tại khoản 4 Điều 67 Luật Đất đai dự kiến thực hiện trong năm kế hoạch                                                                                                |                                  |                          | 23,28                              | 0,67               | -                      | -                      | 2,01                   | 20,60                  |
| 3.1.1   | <b>Đất công trình giao thông</b>                                                                                                                                                                         |                                  |                          | 6,63                               | 0,65               | -                      | -                      | 0,50                   | 5,48                   |
| 3.1.1.1 | Đường nối từ Quốc lộ 1A đến trung tâm điện lực Quảng Trạch                                                                                                                                               | Xã Quảng Đông                    | Huyện Quảng Trạch        | 2,28                               | -                  | -                      | -                      | 0,50                   | 1,78                   |
| 3.1.1.2 | Xây dựng tuyến đường ngập lụt từ trung tâm xã Quảng Lưu đi trung tâm xã Quảng Thạch kết nối với Tỉnh lộ 22                                                                                               | Xã Quảng Lưu                     | Huyện Quảng Trạch        | 1,41                               | 0,55               | -                      | -                      | -                      | 0,86                   |
| 3.1.1.3 | Xây dựng tuyến đường từ Trung tâm huyện kết nối các khu dân cư phía Tây, trung tâm huyện Quảng Trạch                                                                                                     | Xã Quảng Phương                  | Huyện Quảng Trạch        | 2,94                               | 0,10               | -                      | -                      | -                      | 2,84                   |
| 3.1.2   | <b>Đất công trình thủy lợi</b>                                                                                                                                                                           |                                  |                          | 16,65                              | 0,02               | -                      | -                      | 1,51                   | 15,12                  |
| 3.1.2.1 | Sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn hồ Vực Tròn tỉnh Quảng Bình                                                                                                                                            | Xã Quảng Châu                    | Huyện Quảng Trạch        | 16,65                              | 0,02               | -                      | -                      | 1,51                   | 15,12                  |
| 3.2     | Các công trình, dự án còn lại dự kiến thực hiện trong năm kế hoạch                                                                                                                                       |                                  |                          | 138,62                             | 14,17              | -                      | -                      | 15,80                  | 108,65                 |
| 3.2.1   | <b>Đất ở tại nông thôn</b>                                                                                                                                                                               |                                  |                          | 54,02                              | 12,46              | -                      | -                      | -                      | 41,56                  |
| 3.2.1.1 | Khu dân cư nông thôn phía Đông ngoài trung tâm hành chính huyện lỵ mới Quảng Trạch                                                                                                                       | Các xã: Quảng Hưng, Quảng Phương | Huyện Quảng Trạch        | 40,40                              | 1,40               | -                      | -                      | -                      | 39,00                  |
| 3.2.1.2 | Dự án Hạ tầng khu dân cư phía Bắc cầu Thuận Hòa xã Liên Trường, huyện Quảng Trạch (Giai đoạn 1)                                                                                                          | Xã Liên Trường                   | Huyện Quảng Trạch        | 4,81                               | 3,46               | -                      | -                      | -                      | 1,35                   |
| 3.2.1.3 | Khu nhà ở xã hội phục vụ cán bộ công nhân khu kinh tế Hòn La                                                                                                                                             | Xã Quảng Đông                    | Huyện Quảng Trạch        | 1,67                               | 1,32               | -                      | -                      | -                      | 0,35                   |
| 3.2.1.4 | Hạ tầng khu dân cư khu vực trạm thu phí, thôn Nam Lảnh, xã Quảng Phú, huyện Quảng Trạch                                                                                                                  | Xã Quảng Phú                     | Huyện Quảng Trạch        | 4,95                               | 4,41               | -                      | -                      | -                      | 0,54                   |
| 3.2.1.5 | Hạ tầng kỹ thuật khu quy hoạch chi tiết Khu vực thuộc Trung tâm xã tại thôn Phù Ninh xã Quảng Thanh                                                                                                      | Xã Quảng Thanh                   | Huyện Quảng Trạch        | 2,19                               | 1,87               | -                      | -                      | -                      | 0,32                   |
| 3.2.2   | <b>Đất xây dựng cơ sở văn hóa</b>                                                                                                                                                                        |                                  |                          | 3,09                               | 0,08               | -                      | -                      | 2,62                   | 0,39                   |
| 3.2.2.1 | Nhà bia ghi tên liệt sỹ hy sinh tại Cầu Hồ, xã Quảng Hưng, Huyện Quảng Trạch.                                                                                                                            | Xã Quảng Hưng                    | Huyện Quảng Trạch        | 0,10                               | 0,08               | -                      | -                      | -                      | 0,02                   |
| 3.2.2.2 | Đài tưởng niệm các anh hùng liệt sỹ huyện Quảng Trạch                                                                                                                                                    | Xã Quảng Phương                  | Huyện Quảng Trạch        | 2,99                               | -                  | -                      | -                      | 2,62                   | 0,37                   |
| 3.2.3   | <b>Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao</b>                                                                                                                                                              |                                  |                          | 0,91                               | -                  | -                      | -                      | -                      | 0,91                   |



| STT     | Tên công trình, dự án                                                                                                         | Vị trí thực hiện dự án        |                          | Diện tích đất thực hiện dự án (ha) | Trong đó           |                        |                        |                        |                        |
|---------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|--------------------------|------------------------------------|--------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
|         |                                                                                                                               | Xã, phường, thị trấn          | Thành phố, thị xã, huyện |                                    | Đất trồng lúa (ha) | Đất rừng phòng hộ (ha) | Đất rừng đặc dụng (ha) | Đất rừng sản xuất (ha) | Các loại đất khác (ha) |
| (1)     | (2)                                                                                                                           | (3)                           | (4)                      | (5)=(6)+(7)+(8)+(9)                | (6)                | (7)                    | (8)                    | (9)                    | (10)                   |
| 3.2.3.1 | Sân thể dục thể thao Thanh Sơn, xã Quảng Thanh (phục vụ GPMB đường bộ cao tốc Bắc Nam)                                        | Xã Quảng Thanh                | Huyện Quảng Trạch        | 0,91                               | -                  | -                      | -                      | -                      | 0,91                   |
| 3.2.4   | Đất khu công nghiệp                                                                                                           |                               |                          | 45,70                              | -                  | -                      | -                      | 3,78                   | 41,92                  |
| 3.2.4.1 | Kho xăng dầu ngoại quan Petro Lào                                                                                             | Xã Quảng Đông                 | Huyện Quảng Trạch        | 9,36                               | -                  | -                      | -                      | -                      | 9,36                   |
| 3.2.4.2 | Nhà máy sản xuất cơ khí Hòn La của Công ty Cổ phần Dầu tư và Phát triển Tân Mê Kông                                           | Xã Quảng Đông                 | Huyện Quảng Trạch        | 4,50                               | -                  | -                      | -                      | -                      | 4,50                   |
| 3.2.4.3 | Thu hút dự án đầu tư tại Khu công nghiệp cảng biển hòn La                                                                     | Xã Quảng Đông                 | Huyện Quảng Trạch        | 27,90                              | -                  | -                      | -                      | -                      | 27,90                  |
| 3.2.4.4 | Nhà máy chế biến gỗ rừng trồng VBE Quảng Bình của Công ty Cổ phần VBE Quảng Bình tại Khu công nghiệp cửa ngõ phía Tây         | Xã Quảng Tùng                 | Huyện Quảng Trạch        | 3,94                               | -                  | -                      | -                      | 3,78                   | 0,16                   |
| 3.2.5   | Đất cụm công nghiệp                                                                                                           |                               |                          | 0,90                               | -                  | -                      | -                      | -                      | 0,90                   |
| 3.2.5.1 | Dự án đầu tư mở rộng Nhà máy sản xuất bê tông thương phẩm của Công ty Cổ phần Sản xuất vật liệu xây dựng Nguyên Anh           | Xã Quảng Xuân                 | Huyện Quảng Trạch        | 0,90                               | -                  | -                      | -                      | -                      | 0,90                   |
| 3.2.6   | Đất thương mại, dịch vụ                                                                                                       |                               |                          | 10,94                              | 0,75               | -                      | -                      | 8,42                   | 1,77                   |
| 3.2.6.1 | Cơ sở thu mua, chế biến nông sản và dịch vụ tổng hợp, của Hợp tác xã dịch vụ thương mại tổng hợp Yên Mùi                      | Xã Liên Trường                | Huyện Quảng Trạch        | 0,76                               | 0,75               | -                      | -                      | -                      | 0,01                   |
| 3.2.6.2 | Dự án xây dựng Nhà máy sản xuất đá lạnh và dịch vụ hậu cần nghề cá của Công ty TNHH Thương mại tổng hợp Huy Duy               | Xã Cảnh Dương                 | Huyện Quảng Trạch        | 0,02                               | -                  | -                      | -                      | -                      | 0,02                   |
| 3.2.6.3 | Khu du lịch nghỉ dưỡng Đảo Yến - Hòn La của Công ty Cổ phần du lịchữ hành An Bình tại phân khu du lịch sinh thái Bắc Cầu Roòn | Xã Quảng Phú                  | Huyện Quảng Trạch        | 5,12                               | -                  | -                      | -                      | 3,62                   | 1,50                   |
| 3.2.6.4 | Khu nghỉ dưỡng cao cấp Dorris Bien Resort của Công ty Cổ phần du lịch Thiên An Việt Nam                                       | Xã Quảng Phú                  | Huyện Quảng Trạch        | 5,04                               | -                  | -                      | -                      | 4,80                   | 0,24                   |
| 3.2.7   | Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp                                                                                            |                               |                          | 0,40                               | 0,40               | -                      | -                      | -                      | -                      |
| 3.2.7.1 | Xưởng Sản xuất Gạch Terrazzo QH Hưng Phát của Công ty TNHH dịch vụ tổng hợp QH Hưng Phát                                      | Xã Quảng Hưng                 | Huyện Quảng Trạch        | 0,40                               | 0,40               | -                      | -                      | -                      | -                      |
| 3.2.8   | Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản                                                                                          |                               |                          | 16,80                              | -                  | -                      | -                      | -                      | 16,80                  |
| 3.2.8.1 | Khai thác đất làm vật liệu san lấp tại xã Quảng Lưu, huyện Quảng Trạch                                                        | Các xã: Quảng Châu, Quảng Lưu | Huyện Quảng Trạch        | 16,80                              | -                  | -                      | -                      | -                      | 16,80                  |
| 3.2.9   | Đất công trình giao thông                                                                                                     |                               |                          | 3,44                               | 0,40               | -                      | -                      | -                      | 3,04                   |
| 3.2.9.1 | Xây dựng cấp bách Cầu Sông Thai (Km3+010/ĐT.558) huyện Quảng Trạch                                                            | Các xã: Quảng Kim, Quảng Phú  | Huyện Quảng Trạch        | 1,97                               | -                  | -                      | -                      | -                      | 1,97                   |
| 3.2.9.2 | Đường kết nối từ cầu Liên Trường đến đường nội vùng xã Phù Hóa, huyện Quảng Trạch.                                            | Xã Phù Cảnh                   | Huyện Quảng Trạch        | 0,58                               | 0,40               | -                      | -                      | -                      | 0,18                   |



| STT      | Tên công trình, dự án                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Vị trí thực hiện dự án |                          | Diện tích đất thực hiện dự án (ha) | Trong đó           |                        |                        |                        |                        |
|----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|--------------------------|------------------------------------|--------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
|          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Xã, phường, thị trấn   | Thành phố, thị xã, huyện |                                    | Đất trồng lúa (ha) | Đất rừng phòng hộ (ha) | Đất rừng đặc dụng (ha) | Đất rừng sản xuất (ha) | Các loại đất khác (ha) |
| (1)      | (2)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | (3)                    | (4)                      | (5)=(6)+(7)+(8)+(9)                | (6)                | (7)                    | (8)                    | (9)                    | (10)                   |
| 3.2.9.3  | Dự án Cầu cảng số 2 – Bến cảng PTSC Hòn La của Tổng Công ty CP dịch vụ kỹ thuật dầu khí Việt Nam PTSC                                                                                                                                                                                                                      | Xã Quảng Đông          | Huyện Quảng Trạch        | 0,67                               | -                  | -                      | -                      | -                      | 0,67                   |
| 3.2.9.4  | Tuyến đường vào cổng chính phía nam Trung tâm y tế huyện Quảng Trạch                                                                                                                                                                                                                                                       | Xã Quảng Hưng          | Huyện Quảng Trạch        | 0,20                               | -                  | -                      | -                      | -                      | 0,20                   |
| 3.2.9.5  | Khắc phục khẩn cấp tuyến đường từ Trung học, Tiểu học đi thôn 3 thôn Hùng Sơn xã Quảng Kim.                                                                                                                                                                                                                                | Xã Quảng Kim           | Huyện Quảng Trạch        | 0,02                               | -                  | -                      | -                      | -                      | 0,02                   |
| 3.2.10   | <b>Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng</b>                                                                                                                                                                                                                                                                     |                        |                          | <b>1,12</b>                        | <b>0,02</b>        | -                      | -                      | <b>0,30</b>            | <b>0,80</b>            |
| 3.2.10.1 | Công trình xử lý hệ thống đường dây 500kV Vũng Áng - Đà Nẵng (khoảng cột 1015-1016) và đường dây 500kV Đà Nẵng - Hà Tĩnh (khoảng cột 701-702) thuộc dự án thành phần 1: ĐTXD Quốc lộ 12A đoạn tránh thị xã Ba Đồn thuộc dự án xây dựng cải tạo, nâng cấp QL 12A đoạn tránh Ba Đồn và đoạn tránh nhà máy xi măng Sông Gianh | Xã Quảng Phương        | Huyện Quảng Trạch        | 0,03                               | 0,02               | -                      | -                      | -                      | 0,01                   |
| 3.2.10.2 | Di dời, hoàn trả hệ thống hạ tầng kỹ thuật đường điện hạ thế phục vụ GPMB thực hiện Dự án xây dựng công trình mở rộng hầm đèo Ngang (đoạn qua huyện Quảng Trạch)                                                                                                                                                           | Xã Quảng Đông          | Huyện Quảng Trạch        | 0,44                               | -                  | -                      | -                      | 0,10                   | 0,34                   |
| 3.2.10.3 | Cải tạo hệ thống hạ tầng kỹ thuật đường điện 500kV tại cầu vượt ngang số 1, xã Quảng Hợp phục vụ GPMB Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025 (đoạn qua huyện Quảng Trạch).                                                                                                    | Xã Quảng Hợp           | Huyện Quảng Trạch        | 0,65                               | -                  | -                      | -                      | 0,20                   | 0,45                   |
| 3.2.11   | <b>Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin</b>                                                                                                                                                                                                                                                   |                        |                          | <b>0,17</b>                        | <b>0,05</b>        | -                      | -                      | <b>0,05</b>            | <b>0,07</b>            |
| 3.2.11.1 | Di dời, hoàn trả hệ thống hạ tầng kỹ thuật viễn thông phục vụ GPMB thực hiện Dự án xây dựng công trình mở rộng hầm đèo Ngang (đoạn qua huyện Quảng Trạch)                                                                                                                                                                  | Xã Quảng Đông          | Huyện Quảng Trạch        | 0,17                               | 0,05               | -                      | -                      | 0,05                   | 0,07                   |
| 3.2.12   | <b>Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng</b>                                                                                                                                                                                                                                                           |                        |                          | <b>0,47</b>                        | -                  | -                      | -                      | -                      | <b>0,47</b>            |
| 3.2.12.1 | Mở rộng khuôn viên nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Đông Phúc, xã Liên Trường                                                                                                                                                                                                                                                  | Xã Liên Trường         | Huyện Quảng Trạch        | 0,08                               | -                  | -                      | -                      | -                      | 0,08                   |
| 3.2.12.2 | Mở rộng Nhà văn hóa thôn Tân Thị, xã Cảnh Hóa                                                                                                                                                                                                                                                                              | Xã Phù Cảnh            | Huyện Quảng Trạch        | 0,39                               | -                  | -                      | -                      | -                      | 0,39                   |
| 3.2.13   | <b>Đất tín ngưỡng</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                        |                          | <b>0,50</b>                        | -                  | -                      | -                      | <b>0,50</b>            | -                      |
| 3.2.13.1 | Xây dựng Chùa Pháp Kê tại thôn Pháp Kê, xã Quảng Phương                                                                                                                                                                                                                                                                    | Xã Quảng Phương        | Huyện Quảng Trạch        | 0,50                               | -                  | -                      | -                      | 0,50                   | -                      |



| STT      | Tên công trình, dự án                                                      | Vị trí thực hiện dự án |                          | Diện tích đất thực hiện dự án (ha) | Trong đó           |                        |                        |                        |                        |
|----------|----------------------------------------------------------------------------|------------------------|--------------------------|------------------------------------|--------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
|          |                                                                            | Xã, phường, thị trấn   | Thành phố, thị xã, huyện |                                    | Đất trồng lúa (ha) | Đất rừng phòng hộ (ha) | Đất rừng đặc dụng (ha) | Đất rừng sản xuất (ha) | Các loại đất khác (ha) |
| (1)      | (2)                                                                        | (3)                    | (4)                      | (5)=(6)+(7)+(8)+(9)                | (6)                | (7)                    | (8)                    | (9)                    | (10)                   |
| 3.2.14   | Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt    |                        |                          | 0,16                               | 0,01               | -                      | -                      | 0,13                   | 0,02                   |
| 3.2.14.1 | Khu nghĩa địa và đường kết nối vào khu nghĩa địa thôn Hợp Hạ, xã Quảng Hợp | Xã Quảng Hợp           | Huyện Quảng Trạch        | 0,16                               | 0,01               | -                      | -                      | 0,13                   | 0,02                   |
|          | <b>TỔNG CỘNG:</b>                                                          |                        |                          | 1.351,78                           | 181,84             | 17,65                  | -                      | 451,80                 | 700,49                 |